

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch các cụm công nghiệp trong Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2011 - 2020, xét đến năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính Phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Văn bản số 4225/BCT-CNĐP ngày 27/4/2015 của Bộ Công Thương về việc thông báo danh mục quy hoạch các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn sau rà soát theo Chỉ thị số 07/CT-TTg;

Căn cứ Nghị quyết số 200/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 về việc Điều chỉnh quy hoạch các cụm công nghiệp trong Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2011 - 2020, xét đến năm 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương và Sở Kế hoạch và Đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch các cụm công nghiệp trong Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2011-2020, với nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điểm 4.7 Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 08/4/2011 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2011 - 2020, xét đến năm 2025 như sau:

***“4.7. Định hướng phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp***

***a) Quan điểm phát triển***

- Quy hoạch các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) là một bộ phận quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trên cơ sở lấy hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường là mục tiêu cao nhất; đảm bảo tính đặc thù kinh tế của từng vùng trong tỉnh, phát huy lợi thế về vùng nguyên liệu, hạ tầng giao thông; thực hiện mối quan hệ liên kết vùng, với cả nước tạo sự phân công, hợp tác trong cơ cấu thống nhất; góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm, nâng cao đời sống, dân trí của nhân dân và thực hiện các chính sách xã hội.

- Phát triển các KCN, CCN đồng bộ với sự phát triển kết cấu hạ tầng cơ sở và các ngành, lĩnh vực khác có liên quan theo hướng hiện đại, tầm nhìn dài hạn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chú trọng thu hút các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, công nghệ cao nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh công nghiệp. Tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích và thu hút đầu tư, đảm bảo phát triển công nghiệp hiệu quả cao nhất, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng công nghiệp Lạng Sơn.

- Định hướng quy hoạch phát triển CCN nhằm tạo ra một hệ thống kết cấu hạ tầng công nghiệp, có giá trị lâu dài, góp phần hiện đại hoá hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn, thu hút vốn đầu tư; có tác dụng lan toả tích cực tới phát triển các ngành, lĩnh vực của địa phương, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tăng trưởng kinh tế của tỉnh, của từng địa phương theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đồng thời đảm bảo việc bảo vệ môi trường.

- Cụm công nghiệp là nơi tập trung các cơ sở sản xuất công nghiệp, ưu tiên công nghiệp lĩnh vực nông nghiệp; duy trì, phát triển ngành nghề truyền thống, nghề cổ truyền, tạo điều kiện phát triển nghề mới tạo sự phong phú về các sản phẩm của làng nghề.

#### *b) Mục tiêu phát triển*

- Mục tiêu cơ bản và lâu dài của phát triển KCN và CCN trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn là thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp công nghệ cao, phát triển bền vững và tạo nhiều việc làm cho người lao động.

- Mục tiêu cụ thể đến năm 2020: Xây dựng và đưa vào khai thác Khu công nghiệp Đồng Bành, Khu công nghiệp Hồng Phong; các cụm công nghiệp Na Dương, Hữu Lũng, Hợp Thành, Cao Lộc; những nơi có đủ điều kiện có thể hình thành các cụm công nghiệp đơn ngành, phục vụ cho phát triển các loại sản phẩm chuyên ngành; ngoài ra, tại một số huyện và thành phố Lạng Sơn, bố trí hình thành các điểm công nghiệp (bố trí theo kế hoạch sử dụng đất) có thể mở rộng, phát triển thành cụm công nghiệp trong tương lai.

#### *c) Định hướng phát triển*

- Tổng nhu cầu đất dành cho KCN, CCN tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020 là 1.298,78 ha (trong đó diện tích đất các CCN 537,08 ha). Các KCN, CCN đã có nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động, phấn đấu đến năm 2020 lấp đầy khoảng 70 - 80%.

- Đối với KCN: Hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở đồng bộ; các ngành nghề chính là công nghiệp lắp ráp cơ khí, điện tử, tin học, kỹ thuật cao, sạch, chế biến nông, lâm sản, thực phẩm.

- Đối với CCN: Lựa chọn vị trí thuận lợi để đầu tư xây dựng CCN. Các CCN nhỏ dành ưu tiên cho các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống, các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

#### *d) Định hướng ưu tiên các ngành nghề hoạt động trong các CCN*

- Khu vực thành phố Lạng Sơn: Điện tử; sản xuất cơ khí; mộc dân dụng; may mặc, giày da; dịch vụ công nghiệp giết mổ gia cầm; chế biến rác thải ...

- Huyện Cao Lộc: Sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy; cơ khí; chế biến, bảo quản nông lâm sản; vật liệu xây dựng; dịch vụ công nghiệp...

- Huyện Lộc Bình: Chế biến khoáng sản; luyện kim; hóa chất; chế biến nông lâm sản; vật liệu xây dựng...

- Huyện Văn Lãng: Chế biến khoáng sản; hóa chất chế biến nông lâm sản; vật liệu xây dựng, sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy, dịch vụ công nghiệp...

- Các huyện Hữu Lũng, Tràng Định, Bình Gia và Bắc Sơn: Chế biến nông lâm sản; vật liệu xây dựng, dịch vụ công nghiệp...

#### *e) Một số giải pháp thực hiện định hướng quy hoạch phát triển CCN*

- Phát triển CCN theo định hướng quy hoạch đã được phê duyệt:

+ Các CCN dự kiến thành lập mới: Nội dung đầu tư cần nêu rõ về sự cần thiết; nhu cầu, sự phù hợp với các quy hoạch liên quan; hiện trạng sử dụng đất, các ngành nghề, cơ cấu sử dụng đất và dự kiến thu hút đầu tư; phạm vi, ranh giới, diện tích sử dụng đất, khả năng đầu nối công trình hạ tầng kỹ thuật; báo cáo đánh giá tác động môi trường; phân tích, giải pháp đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật; phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư; hiệu quả kinh tế - xã hội; nguồn vốn đầu tư, tiến độ thực hiện, chủ đầu tư, phương thức thực hiện, quản lý đầu tư xây dựng và khai thác; khả năng khai thác và nội dung khác.

+ Các CCN dự kiến mở rộng: Nội dung đầu tư cần nêu rõ về sự cần thiết mở rộng; khả năng cho thuê đất, hiệu quả kinh tế - xã hội; đánh giá hiện trạng; định hướng mở rộng (ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất, đầu nối công trình hạ tầng kỹ thuật; phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư; nguồn vốn đầu tư, phương thức thực hiện; tiến độ thực hiện và các nội dung khác).

- Xây dựng CCN gắn với đồng bộ hạ tầng kỹ thuật của khu vực: Đầu tư xây dựng CCN phải xác định khả năng phục vụ của cơ sở hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào hiện tại và tương lai. Thực hiện lồng ghép với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế khác ngoài hàng rào CCN nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành, hoạt động, phát triển của CCN và khu vực.

- Xây dựng, thực hiện chính sách phát triển hạ tầng xã hội khu vực CCN:

+ Xây dựng, thực hiện chính sách phát triển hạ tầng xã hội như nhà ở, các công trình công cộng... đối với khu vực đầu tư xây dựng CCN.

+ Nhà nước, doanh nghiệp đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xã hội từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Tăng cường thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng CCN:

+ Huy động các nguồn vốn khác từ các doanh nghiệp có liên quan (đơn vị kinh doanh cấp điện, nước, thông tin liên lạc...) cùng tham gia đầu tư xây dựng, kinh doanh các dịch vụ này.

+ Các Sở, ngành, các cấp trong tỉnh cần phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư hạ tầng CCN; đồng thời tỉnh có những chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư thông thoáng, hấp dẫn, thống nhất, ổn định.

- Các giải pháp về vốn:

+ Sử dụng vốn ngân sách địa phương, tranh thủ các nguồn vốn của Trung ương, vốn ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật kỹ thuật.

+ Tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư, ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng, thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp đầu tư vào CCN. Triển khai hình thức đầu tư PPP để thu hút nhà đầu tư.

2. Ban hành kèm theo Quyết định này Phụ lục Danh mục các khu, cụm CN quy hoạch đến năm 2020.

**Điều 2.** Nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này thay thế Điều 4.7 Khoản 4 và Khoản 8 Điều 1 Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 08/4/2011 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài Nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- PVP UBND tỉnh,
- các phòng: TH, KTTH, KTN, VX, TH-CB;
- Lưu: VT, KTN<sub>(PKQ)</sub>;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lý Vinh Quang**

**PHỤ LỤC**  
**Danh mục các Khu, Cụm công nghiệp quy hoạch đến năm 2020**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2015 của UBND tỉnh)*

STT	Tên	Địa điểm	Diện tích quy hoạch đến năm 2020 (ha)
<b>I</b>	<b>Các Khu công nghiệp</b>		<b>761,7</b>
1	Khu công nghiệp Đồng Bành	Huyện Chi Lăng và huyện Hữu Lũng	321,7
2	Khu công nghiệp Hồng Phong	Huyện Cao Lộc	440,0
<b>II</b>	<b>Các Cụm công nghiệp</b>		<b>537,08</b>
1	CCN Quảng Lạc	xã Quảng Lạc, TP Lạng Sơn	50,0
2	CCN Văn Lãng,	xã Tân Mỹ, huyện Văn Lãng	50,0
3	CCN Na Dương 1	xã Đông Quan, huyện Lộc Bình	20,0
4	CCN Na Dương 2	xã Đông Quan, huyện Lộc Bình	50,0
5	CCN Na Dương 3	xã Đông Quan, huyện Lộc Bình	50,0
6	CCN Na Dương 4	xã Đông Quan, huyện Lộc Bình	30,0
7	CCN địa phương số 2	xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc	13,1
8	CCN Hợp Thành 1	xã hợp Thành, huyện Cao Lộc	50,0
9	CCN Hợp Thành 2	xã hợp Thành, huyện Cao Lộc	48,5
10	CCN Cao Lộc	xã Gia Cát, huyện Cao Lộc	13,6
11	CCN Bắc Sơn 1	xã Quỳnh Sơn, huyện Bắc Sơn	25,0
12	CCN Bắc Sơn 2	xã Chiến Thắng, huyện Bắc Sơn	25,0
13	Cụm CN Bình Gia	xã Hoàng Văn Thụ, huyện Bình Gia	50,0
14	CCN thị trấn Hữu Lũng 1	xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng	20,0
15	CCN thị trấn Hữu Lũng 2	xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng	30,0
16	CCN Tràng Định	Xã Kháng Chiến, huyện Tràng Định	11,88
<b>TỔNG CỘNG (I+II)</b>			<b>1.298,78</b>